

Số: MSO /QĐ-CTHADS

Hải Dương, ngày 20 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2024
của Văn Phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương**

Căn cứ Nghị định số 163 ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1134,1135/QĐ-CTHADS ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán Ngân sách nhà nước năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng và các đơn vị, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. 

Nơi nhận:

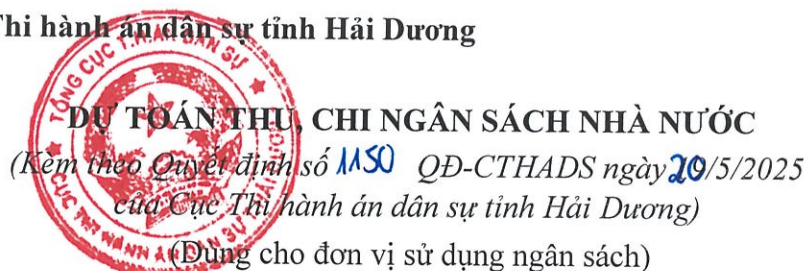
- Tổng cục Thi hành án dân sự (để b/c);
- Trang TTĐT của Cục (để đăng tải);
- Các Phó Cục trưởng (để biết);
- Lưu: VT, KT.



Nguyễn Văn Tuấn

Đơn vị: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương

Chương: 014



Đvt: nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí THADS	
	Phí ...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	800.165
I	Nguồn ngân sách trong nước	800.165
1	Chi quản lý hành chính	748.165
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	(658.580)
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.406.745
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	52.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	